

Số: 07/2024/QĐST – DS

Sông Cầu, ngày 08 tháng 4 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 29 tháng 3 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 31/2024/DSST ngày 12 tháng 3 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn A, sinh năm 1953. Nơi cư trú: khu phố A, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên.

Bị đơn: Vợ chồng ông Nguyễn H, sinh năm 1965, bà Nguyễn Thị Tường V, sinh năm 1967. Cùng nơi cư trú: 35 N, khu phố L, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn A1, sinh năm 1979

2. Ông Nguyễn Đ, sinh năm 1980

3. Ông Nguyễn H1, sinh năm 1984

4. Ông Nguyễn H2, sinh năm 1986.

5. Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1990

6. Bà Nguyễn Thị H3, sinh năm 1992.

7. Ông Nguyễn A, sinh năm 1953.

Cùng nơi cư trú: khu phố A, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên.

8. Bà Nguyễn Thị H4, sinh năm 1982.

Nơi cư trú: khu phố 4, phường Phú Đông, thành phố Tuy Hoà, tỉnh Phú Yên

9. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1988.

Nơi cư trú: khu phố L, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên.

Ông A1, ông Đ, ông H1, ông H2, bà B, bà H3, bà H4 và bà M đều uỷ quyền cho

ông Nguyễn A tham gia tố tụng (theo Hợp đồng uỷ quyền lập ngày 28/3/2023).

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Vợ chồng ông Nguyễn H, bà Nguyễn Thị Tường V và ông Nguyễn A, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm ông A1, ông Đ, ông H1, ông H2, ông A, bà B, bà H3, bà H4 và bà M thống nhất thỏa thuận vợ chồng ông Nguyễn H, bà Nguyễn Thị Tường V có nợ vợ chồng ông Nguyễn A, bà Tôn Thị P (đã chết) số tiền **255.000.000đ** (Hai trăm năm mươi lăm triệu đồng) và vợ chồng ông Nguyễn H, bà Nguyễn Thị Tường V chấp nhận trả toàn bộ số tiền nêu trên cho ông Nguyễn A và những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Tôn Thị P gồm: ông A1, ông Đ, ông H1, ông H2, ông A, bà B, bà H3, bà H4 và bà M. Về lãi suất: các đương sự thống nhất không yêu cầu.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Vợ chồng ông Nguyễn H, bà Nguyễn Thị Tường V tự nguyện chịu **6.375.000đ** (Sáu triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên (1);
- Chi cục THADS TX Sông Cầu(1);
- Đương sự (11);
- VKSND. TX Sông Cầu (2);
- Lưu án văn(1);

THẨM PHÁN

Trần Thị Ngọc Hà